

Trạm y tế: Thị trấn sịa  
Huyện: Quảng Điền  
Tỉnh: Thừa Thiên Huế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

### BÁO CÁO CÔNG TÁC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

\* Dùng cho tuyến xã, phường, thị trấn

\* Báo cáo: 6 tháng

Một năm

Kính gửi:.....

#### I. Thông tin chung:

1. Dân số : 10.885

4. Số cơ sở SXCBTP : 10

2. Diện tích : 5263 ha

5. Số cơ sở KDTP : 108

3. Số thôn/bản: 10 tổ dân phố

6. Số cơ sở dịch vụ ăn uống: 153

#### II. Công tác chỉ đạo:

1. Có BCĐLN VSATTP do Lãnh đạo UBND làm trưởng Ban:

Có Không

x

2. Hội nghị BCĐ liên ngành: \* 6 tháng/lần.

x

\* 1 năm/lần.

\* Không.

3. Quyết định, chỉ thị về VSATTP:

Có Không

x

4. Công văn về VSATTP:

x

5. Kế hoạch đảm bảo VSATTP:

x

6. Hội nghị triển khai và tổng kết:

x

#### III. Các hoạt động:

1. Tuyên truyền giáo dục:

TT	Hoạt động	Số lượng/buổi	Số người nghe/phạm vi bao phủ
1.	Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động	00	
2.	Nói chuyện	00	
3.	Tập huấn	00	
4.	Hội thảo	00	
5.	Phát thanh	66/50	Toàn thị trấn
6	Sản phẩm truyền thông:		
	- Băng rôn, khẩu hiệu.	00	
	- Tranh áp - phích.	00	

	- Tờ gấp.	00	
	- Bảng, đĩa hình.	00	
	- Bảng, đĩa âm.	00	
	- SP Khác:...	00	
7	Hoạt động khác:...	00	

## 2. Công tác kiểm tra, thanh tra:

2.1. Số đoàn:

2.2. Kết quả:

T	Cơ sở thực phẩm	TSCS hiệncó	Số cơ sở được kiểm tra, Th.tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)
1.	CS Sản xuất chế biến TP	10	00		
2.	CS Kinh doanh tiêu dùng	29	05	05	
3.	CS Dịch vụ ăn uống	132	10	10	
<b>Cộng (1+2+3)</b>		171	15	15	
4.	Số cơ sở vi phạm				
5.	Xử lý	Số cơ sở bị cảnh cáo	00	00	00
		Số cơ sở bị phạt tiền	00	00	00
		Số tiền			
		Số cơ sở bị huỷ SP	00	00	00
		Loại SP/SL			
		Cơ sở bị đóng cửa	00	00	00
	Khác	00	00	00	

## 3. Hoạt động cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP:

TT	Loại cơ sở thực phẩm	Số cấp mới	Luỹ tính	Ghi chú
1.				
2.				
3.				

## 4. Ngộ độc thực phẩm:

TT	Tác nhân	Số vụ	Số mắc	Số chết
1.	NDTP do vi sinh vật	00	00	00

2.	NĐTP do hoá chất	00	00	00
3.	NĐTP do TP bị biến chất	00	00	00
4.	NĐTP do độc tố tự nhiên	00	00	00
Cộng		00	00	00

### 5. Xây dựng mô hình điểm VSATTP:

TT	Tên mô hình	Số lượng	Kết quả
1.	Thức ăn đường phố	00	
2.	Truyền thông cộng đồng thay đổi phong tục tập quán lạc hậu phòng ngừa NĐTP, FBDs	00	
3.	Làng văn hoá sức khoẻ phòng ngừa NĐTP, FBDs	00	
4.	Khác	00	
	Chợ điểm VSATTP. Bếp ăn tập thể. Trường học. Rau sạch. Chăn nuôi sạch. Khác.....	00	

### 6. Kinh phí:

TT	Nội dung chi	Trên cấp	Hỗ trợ của UBND xã	Hỗ trợ của DN	Cộng
1.	Tuyên truyền giáo dục.	00	00	00	
2.	Kiểm tra, thanh tra.	00	00	00	
3.	Mua trang thiết bị, dụng cụ.	00	00	00	
4.	Mô hình điểm.	00	00	00	
5.	Điều tra ngộ độc, giám sát.	00	00	00	
6.	Xét nghiệm.	00	00	00	
7.	Khác.....	00	00	00	

### 7. Đánh giá chung:

#### 1. Ưu điểm:

.....  
.....  
.....  
2. **Yếu kém, tồn tại:**  
.....  
.....  
.....

.....  
3. **Kiến nghị:**  
.....  
.....  
.....

Người lập báo cáo

*Lưu*  
Thái Thị Phương



Trưởng trạm

*BS. Hồ Quang Huy*